TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHỤNG HIỆP** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30-5-2024
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Quyến

Ông Nguyễn Văn Dương

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Công Trận – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 165/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2024, về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 45/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thúy H, sinh năm 1986; Địa chỉ: ấp F, thị trấn K, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Có đơn xin xét xử vắng mặt

Bị đơn: Anh Nguyễn Bích A, sinh năm 1986; Địa chỉ: ấp F, thị trấn K, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thúy H trình bày: Về quan hệ hôn nhân chị Nguyễn Thúy H và anh Nguyễn Bích A tự nguyện kết hôn năm 2006 và thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện P, tỉnh Hậu Giang năm 2010. Trong thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng về sau cả hai phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hợp nên hay xảy ra tranh cải, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt hôn nhân không hạnh phúc và đã ly thân cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân hai vợ chồng không hàn gắn được do mục đích hôn nhân không đạt được nên chị

Nguyễn Thúy H xin ly hôn với anh Nguyễn Bích A; Về con chung, có hai con chung cháu Nguyễn Ngọc Y, sinh ngày 31/5/2009 (giới tính: Nữ) và Nguyễn Mỹ N, sinh ngày 22/8/2012 (giới tính: Nữ). Khi ly hôn, chị H yêu cầu được quyền nuôi con chung và không yêu cầu anh Nguyễn Bích A cấp dưỡng; Về tài sản chung và nợ chung không có.

Bị đơn anh Nguyễn Bích A được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng nhưng vắng mặt nên không có ý kiến trình bày trong vụ kiện.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Nguyễn Thúy H và bị đơn anh Nguyễn Bích A kết hôn trên cơ sở tự nguyện và thực hiện đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên hôn nhân được pháp luật công nhận là vợ chồng. Khi mâu thuẫn xảy ra không thể hàn gắn được nên nguyên đơn chị xin ly hôn với bị đơn anh Bích A. Để tạo điều kiện cho nguyên đơn chị H và bị đơn anh Bích A hàn gắn hôn nhân, Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Nguyên đơn chị H vẫn giữ yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Bích A, chị xác định không còn tình cảm với bị đơn anh Bích A, dù cả hai cho nhau cơ hội hàn gắn hôn nhân nhưng không thành. Trong khi đó, bị đơn anh Bích A được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng nhưng vắng mặt từ đó cho thấy bị đơn anh Bích A cũng không mong muốn hòa giải mâu thuẫn để nguyên đơn chị H thay đổi ý kiến. Xét quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn chị H và bị đơn anh Bích A mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thúy H được ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Bích A được chấp nhận.

[4] Về con chung: Nguyên đơn chị Nguyễn Thúy H thừa nhận có hai con chung với anh Nguyễn Bích A là cháu Nguyễn Ngọc Y, sinh ngày 31/5/2009 (giới tính: Nữ) và Nguyễn Mỹ N, sinh ngày 22/8/2012 (giới tính: Nữ) hiện các cháu đang sinh sống với chị H. Bên cạnh đó, cháu Y và cháu N có văn bản trình bày được sống chung với chị H là do được chị H nuôi dưỡng, chăm sóc tốt về mọi mặt

và anh Nguyễn Bích A không có ý kiến về con chung, từ đó cho thấy anh Bích A không còn quan tâm đến con chung. Xét về mọi mặt đời sống cũng như nguyện vọng của cháu nên cần thiết giao các cháu cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144 và Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 9, 53, 56, 57, 81, 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thúy H được ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Bích A.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thúy H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Y, sinh ngày 31/5/2009 (giới tính: Nữ) và Nguyễn Mỹ N, sinh ngày 22/8/2012 (giới tính: Nữ). Anh Nguyễn Bích A chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Nguyễn Bích A, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thúy H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006532 ngày 11 tháng 3 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp thành án phí.

5. Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Phụng Hiệp;
- Chi cục THADS huyện Phụng Hiệp;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân nơi thực hiện đăng ký kết hôn;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Hiếu